**28. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn.**

- **Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ATTP trong trường hợp tiếp tục sản xuất kinh doanh cho Chăn nuôi và Thú y.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển cho phòng Thanh tra, Pháp chế để thẩm định hồ sơ.

+ Bước 2: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP của cơ sở, Chăn nuôi và Thú y xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, phòng Thanh tra, Pháp chế thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện, hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra, xếp loại).

* Nếu cơ sở đủ điều kiện phòng Thanh tra, Pháp chế tham mưu soạn thảo và trình lãnh đạo Chi cục xem xét. Trong thời hạn 02 ngày làm việc Lãnh đạo Chi cục ký và chuyển Giấy chứng nhận ATTP cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để trả cho tổ chức, cá nhân.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; hoặc dịch vụ trực tuyến (nếu có).

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận ATTP (theo mẫu);

2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc Giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên): bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

3) Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở (theo mẫu) (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên);

4) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

5) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khoẻ (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chăn nuôi và Thú y.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản bao gồm:

+ Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông lâm thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận kinh tế trang trại; tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên;

+ Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm gắn liền cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản;

+ Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương.

- **Phí, lệ phí:** 700.000đồng/cơ sở (Theo Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Thông báo kết quả kiểm tra điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở chưa đủ điều kiện)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

+ Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận kinh tế trang trại (ngoại trừ đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 CV trở lên)

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

+ Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*---------------*

 *………, ngày……tháng…….năm …*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: ……...................................................…….

2. Mã số (nếu có):……… ………………………................................…………

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: …………….................................………

4. Điện thoại …….......………..Fax …..…………….. Email………...........…....

5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: ………......................

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:…………….........................................……

Đề nghị …………..*(tên* *cơ quan kiểm tra)………..* cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

 **Đại diện cơ sở**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**Hồ sơ gửi kèm:**

-

-

-

…

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO**

**AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*-------------------------*

 *………, ngày……tháng…….năm …*

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: ………………….

2. Mã số (nếu có):……………………………… ….

3. Địa chỉ: ………………………

4. Điện thoại:  ………………. Fax:  ……………….. Email: …….

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài 

DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần 

DN tư nhân  Khác  …………………….

 (ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động: ……………………………………………………..

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: ………..........………

8. Công suất thiết kế: ……………………………………......................………...

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): …..................…

10. Thị trường tiêu thụ chính: ………………………………..........................…..

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh** | **Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh** | **Cách thức đóng gói****và thông tin ghi trên bao bì** |
| **Tên nguyên liệu/ sản phẩm** | **Nguồn gốc/****xuất xứ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh……….. m2 , trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : …………… m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : ….…………………… m2

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : ………………………. m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: …………………. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : …….…………… m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu****sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng □ Nước giếng khoan □

Hệ thống xử lý: Có □ Không □

Phương pháp xử lý: …………………………………...........................…………

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất □ Mua ngoài □

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: ……………...........……………..

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:………………………..............…………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ………………. người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: …………….người.

+ Lao động gián tiếp: …………… người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị…

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ……… người; trong đó …….. của cơ sở và ……… đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên hóa chất** | **Thành phần chính** | **Nước sản xuất** | **Mục đích****sử dụng** | **Nồng độ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,….):……….

9. Phòng kiểm nghiệm

 - Của cơ sở □ Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:………

- Thuê ngoài □ Tên những PKN gửi phân tích: …………

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)* |